



BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Tháng
10
2022



MỤC LỤC

3

Góc trao đổi

Quan điểm của PGS. TS. Nguyễn Thị Nga – Phó Trưởng khoa Pháp luật Kinh tế về sửa đổi một số nội dung của Luật Đất đai năm 2013

3

Văn bản có hiệu lực trong tháng 10/2022

7

Văn bản mới ban hành trong tháng 10/2022

11

Bản án nổi bật của Tòa án nhân dân cấp cao (15/9-15/10/2022)



1. Góc trao đổi

Quan điểm của PGS. TS. Nguyễn Thị Nga – Phó Trưởng khoa Pháp luật Kinh tế về sửa đổi một số nội dung của Luật Đất đai năm 2013.

Xem Video trực tiếp tại:

https://youtu.be/EPhj3d_MpDc

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 10/2022

(Nguồn: <https://baochinhphu.vn;>

<https://luatvietnam.vn;><https://vnexpress.net>)



2.1. Miễn phí cấp và sử dụng tài khoản định danh điện tử

Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, ban hành ngày 5/9/2022 có hiệu lực từ ngày 20/10/2022, quy định định danh và xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Theo đó, chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam không phải thanh toán chi phí đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử và chi phí sử dụng tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

Danh tính điện tử công dân Việt Nam gồm: Thông tin cá nhân như số định danh cá nhân; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; Thông tin sinh trắc học gồm ảnh chân dung, vân tay.

Danh tính điện tử người nước ngoài gồm những thông tin như công dân Việt Nam, nhưng bổ sung thêm quốc tịch; số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Danh tính điện tử tổ chức gồm: Mã định danh điện tử của tổ chức; tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); ngày, tháng, năm thành lập; địa chỉ trụ sở chính; số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

Theo Nghị định này của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử có hiệu lực từ ngày 20/10/2022, chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam không phải thanh toán chi phí đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử và chi phí sử dụng tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

2.2. Tài khoản định danh điện tử có thể thay thế căn cước công dân

Điều 12 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP cũng quy định về tài khoản định danh điện tử được chia thành 02 mức độ với các thông tin và giá trị sử dụng khác nhau.

* Tài khoản định danh điện tử mức độ 1:

- Bao gồm những thông tin sau:

Thông tin cá nhân: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung.

- Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 1 có giá trị chứng minh các thông tin cá nhân trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân.

* Tài khoản định danh điện tử mức độ 2:

- Bao gồm những thông tin sau:

Thông tin cá nhân: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung; Vân tay.



- Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch mà yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước; cung cấp thông tin các loại giấy tờ đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử khi thực hiện các giao dịch liên quan.

Như vậy, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có thể được sử dụng thay cho Căn cước công dân và một số loại giấy tờ đã được tích hợp, giúp giảm bớt các giấy tờ, đơn giản hóa các thủ tục, giao dịch.

2.3. Doanh nghiệp trở lại mức đóng 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Trước đó, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động chịu ảnh hưởng bởi Covid-19, tại [Nghị quyết số 116/NQ-CP](#) ban hành ngày 24/9/2021, Chính phủ quy

định chính sách giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động.

Cụ thể, người sử dụng lao động được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian từ ngày 01/10/2021 đến 30/9/2022.

Người sử dụng lao động được giảm mức đóng quỹ bảo hiểm thất nghiệp không bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Như vậy, sang tháng 10/2022, chính sách hỗ trợ này sẽ chính thức kết thúc. Các doanh nghiệp sẽ phải quay trở lại mức đóng 1% cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2.4. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

[Nghị định số 55/2022/NĐ-CP](#) ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có hiệu lực từ ngày 10/10/2022.

Theo Nghị định, Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Cơ sở dữ liệu) là tập hợp thông tin về việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị,

phản ánh của cơ quan có thẩm quyền được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2.5. Năm trường hợp yêu cầu xóa bỏ thông tin trên mạng

Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ban hành ngày 15/8/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 1/10/2022. Nghị định quy định trình tự, thủ tục thực hiện biện pháp yêu cầu xóa bỏ thông tin trái pháp luật hoặc thông tin sai sự thật trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Cụ thể, trường hợp áp dụng biện pháp xóa bỏ thông tin trái pháp luật hoặc thông tin sai sự thật, gồm:

1) Khi thông tin trên không gian mạng được cơ quan có thẩm quyền xác định là có nội dung xâm phạm an ninh quốc gia, tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng theo quy định của pháp luật;

(2) Khi có căn cứ pháp luật xác định thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống; xâm phạm

trật tự quản lý kinh tế; bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại nghiêm trọng cho hoạt động kinh tế - xã hội đến mức phải yêu cầu xóa bỏ thông tin;

(3) Các thông tin trên không gian mạng khác có nội dung xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

(4) Các thông tin trên không gian mạng khác có nội dung về hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

(5) Các thông tin trên không gian mạng khác có nội dung xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2.6. Những dữ liệu trên không gian mạng phải lưu trữ tại Việt Nam

Nghị định số 53/2022/NĐ-CP cũng quy định những dữ liệu trên không gian mạng phải lưu trữ tại Việt Nam.

Theo đó, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam phải thực hiện lưu trữ những dữ liệu sau đây tại Việt Nam (hình thức lưu trữ sẽ do doanh nghiệp quyết định):

- Dữ liệu về thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam;
- Dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra: tên tài khoản, thời

gian sử dụng dịch vụ, thông tin thẻ tín dụng, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ mạng (IP) đăng nhập, đăng xuất gần nhất, số điện thoại đăng ký được gắn với tài khoản hoặc dữ liệu;

- Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam: bạn bè, nhóm mà người sử dụng dịch vụ kết nối hoặc tương tác.



Thời gian lưu trữ dữ liệu bắt đầu từ khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu lưu trữ dữ liệu đến khi kết thúc yêu cầu; thời gian lưu trữ tối thiểu là 24 tháng.

2.7. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh lĩnh vực hàng hải

Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã ký ban hành [Nghị định số 69/2022/NĐ-CP](#) ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực từ 30/10/2022.

Theo đó, Nghị định này sửa đổi một số thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải bao gồm:

- Thủ tục giao tuyến dẫn tàu (Điều 19 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP);

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (Điều 10 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP);

- Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (Điều 11 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP);

- Thủ tục cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên (Điều 13 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP);

- Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên (Điều 14 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP);

- Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải (Điều 6 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);

- Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển (khoản 4 Điều 7 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);

- Thủ tục công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp (khoản 5 Điều 13 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);

- Thủ tục công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (Điều 14 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);

- Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước (khoản 2 Điều 17 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);

- Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải (Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);
- Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng (Điều 41 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP);
- Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam (khoản 3 Điều 75 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP).

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2022/NĐ-CP là yêu cầu về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, quy định của thủ tục hành chính nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Văn bản pháp luật ban hành trong tháng 10/2022

3.1. Hướng dẫn sử dụng kinh phí bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Ngày 05/10/2022, Bộ Tài chính vừa ban hành [Thông tư số 61/2022/TT-BTC](#) hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực

hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Thông tư số 61/2022/TT-BTC, nội dung chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm:

Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất.

Chi điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 gồm: Phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; trích đo địa chính thửa đất đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; đo đạc xác định diện tích thực tế các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án (nếu có) của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm căn cứ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp phải đo đạc lại; kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân...

Chi lập, thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Ngày 01/10/2022, Chính phủ ban hành **Nghị định số 71/2022/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Theo đó, Nghị định bổ sung điều 20a về biên tập, phân loại, biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.



Cụ thể, theo Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, biên tập, phân loại nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu thực hiện như sau:

Đối với chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ.

Đối với phim: Trước khi cung cấp trên dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim theo tiêu chí phân

loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Đối với chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại.

Về biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, Nghị định nêu rõ, việc biên dịch phim, chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại như quy định trên. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan ngăn chặn việc phổ biến các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo các quy định biên tập, phân loại

nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu nêu trên.

Theo Nghị định số 06/2016/NĐ-CP, các kênh chương trình trong nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại lãnh thổ Việt Nam không cần thỏa thuận về bản quyền.

Tại Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, quy định này được sửa đổi như sau: Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ.

Đồng thời, Nghị định số 71/2022/NĐ-CP bổ sung quy định: Các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bản quyền như sau: Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình; Bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này.

3.3. Người cai nghiện ma túy được hỗ trợ học văn hóa, học nghề

Bộ Tài chính vừa ban hành [Thông tư số 62/2022/TT-BTC](#) quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Theo đó, chi tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gói, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện bắt buộc là nữ): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.



Chi phí cai nghiện ma túy gồm: Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải

độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Chi khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện bắt buộc bị ốm được điều trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi học văn hóa cho người cai nghiện bắt buộc từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP gồm:

Chi tiền công đối với những người tham gia giảng dạy văn hóa (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy).

Chi hỗ trợ học phẩm: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về hỗ trợ học phẩm cho học sinh trung học cơ sở tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số

109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc; Chi tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm, thuê trang thiết bị dạy học và các khoản chi cần thiết khác (nếu có) phục vụ trực tiếp công tác dạy và học văn hóa cho đối tượng: Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

Người cai nghiện bắt buộc chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; không hỗ trợ tiền học nghề cho đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề.

Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu: Mức chi 100.000 đồng/người cai nghiện bắt buộc/năm.

4. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 15/9 - 15/10/2022)

(Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>)

4.1 Lĩnh vực hành chính: 32 bản án.

Bản án: số 242/2022/HC-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2022/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 239/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Bản án: số 833/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 810/2022/HC-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Sửa bản án sơ thẩm

Bản án: số 834/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 838/2022/HC-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Bản án: số 802 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: y án sơ thẩm

Bản án: số 813/2022/HCPT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H: Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 18443/QĐ-KPHQ ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 39/QĐ-CCXP ngày 08/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 đối với ông Nguyễn Văn H. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Bản án: số 754/2022/HC-PT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: sửa án sơ thẩm

Bản án: số 785 ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: + Quyết định số 4067/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; + Quyết định số 1915/QĐ-CCXP ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; + Quyết định 3070/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; + Quyết định số: 2558/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai; + Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 ngày 20/12/2013 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho BQL Khu rừng phòng hộ D.

Bản án: số 775 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu hủy: + Quyết định số 4068/QĐ-KPHQ ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; + Quyết định số 1913/QĐ-CCXP ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. + Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; + Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giải quyết khiếu nại lần hai; + Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189091 ngày 20/12/2013 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho BQL Khu rừng phòng hộ D.

Bản án: số 790 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông Trần Văn Ph khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 4150/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 5465/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Tây Ninh; hủy Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phiêi BM 189091 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho Ban quản lý Khu rừng phòng hộ D đứng tên; yêu cầu công nhận diện tích đất 1,6ha thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ph.

Bản án: số 761 ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2381/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 797 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 190/QĐ-STNMT ngày 19/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị C”.

Bản án: số 794 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Nguyễn Thị Thủy Ng khởi kiện yêu cầu: - Hủy Quyết định số 303/QĐ-XPVPHC ngày 01/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Ninh Thuận về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; - Buộc Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Ninh Thuận công nhận quyền sử dụng hợp pháp một phần thửa đất số 44, 45 tờ bản đồ địa chính số 2, thôn Q1, xã Ph, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận cho hộ bà Nguyễn Thị Thủy Ng với diện tích 2000m².

Bản án: số 775A ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bà Nguyễn Thị Thiên H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cho bà H đối với thửa đất số 1239, 1240, 306, 1051, tờ bản đồ số 01 (thửa mới 81, 73, 67, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp là trái quy định pháp luật; đồng thời buộc người bị kiện thực hiện hành vi hành chính nêu trên.

Bản án: số 799/2022/HC-PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2022/HC-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

Bản án: số 233/2022 /HC-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2022/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 234/2022/HC-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê P, bà Đặng Thị M; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 235/2022 /HC-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 237/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác toàn bộ kháng cáo của UBND thành phố H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 80/HC-ST ngày 29/9/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án: số 241/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của ông Đỗ Công T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 227/2022/HC-PT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bác kháng cáo của Người khởi kiện (cụ Huỳnh C), giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Bản án: số 240/2022/HC-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: 1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Q; 2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 673/2022/HC-PT ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Khiếu kiện quyết định hành chính và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn D và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang

Bản án: số 816/2022/HC-PT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Bản án: số 837 ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm

Bản án: số 789 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm

Bản án: số 236/2022/HC-PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: - Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Việt D. - Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2022/HC-ST ngày 20-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án: số 771 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Sửa Bản án hành chính sơ thẩm

Bản án: số 800/2022/HC-PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng VKSN TP. H, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại.

Bản án: số 756 ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: - Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô S. - Hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S. - Hủy Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô S (lần 2).

4.2. Lĩnh vực Kinh doanh thương mại: 03 bản án.

Bản án: số 28/2022/KDTM-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về mua bán hàng hóa

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần công nghiệp dịch vụ cao su C. Sửa toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 60 ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về mua bán hàng hóa

Thông tin về vụ/việc: Công ty C.LTD.STI yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu N phải thanh toán đầy đủ một lần cho Công ty C.LTD.STI số tiền 172.984,03 USD tương đương với 3.999.211.808 đồng (bao gồm nợ gốc là 163.793.40 USD tương đương 3.788.705.135 đồng theo hợp đồng và khoản tiền lãi chậm trả đối với toàn bộ số tiền nêu trên tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày 02/01/2021 là 9.100,63 USD tương đương với 210.506.672,5 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án). Tại phiên hòa giải ngày 29/11/2021 nếu phía Công ty N đồng ý trả cho Công ty C.LTD.STI số tiền 163.793.40 USD tương đương 3.788.707.135 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bản án: số 56 ngày 25/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa công ty với các thành viên công ty...

Thông tin về vụ/việc: hủy bản án sơ thẩm.

4.3. Lĩnh vực Dân sự: 37 bản án.

Bản án: số 231/2022/DS - PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị C, và kháng nghị số 820/ QĐ – VKS – DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án: số 703/2022/DS-PT ngày 29/9/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 704/2022/DS-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại

Bản án: số 686/2022/DSPT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án: số 676 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản là nhà và đất tại địa chỉ số Đường Ng1, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Hồ T1 để lại cho

ông Lưu Tô H và bà Lưu T; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 2886/2007/UBND.GCN ngày 19/11/2007 của Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho bà Huỳnh Cam V và các đồng thừa kế của chồng là ông Lưu Tô H và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 5 cập nhật ngày 06/10/2017 cho các người thừa kế là ông Lưu Tuấn K, bà Lưu Tuyết M, ông Lưu Quý Q, ông Lưu Quý T, bà Lưu Tuyết Nh1 và bà Lưu Tuyết Đ nhằm cập nhật tên bà Lưu T là đồng sử dụng, sở hữu với những người có tên nêu trên. Sau đó, bán nhà và đất tranh chấp để chia theo quy định pháp luật.

Bản án: số 674 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: ông H khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng thuê đất ngày 16/8/2018 giữa ông V và ông Th1. Yêu cầu ông V trả quyền sử dụng đất cho ông H và buộc ông Th1 tháo dỡ vật kiến trúc trên đất; yêu cầu xác định các phần đất tranh chấp tại khu A, B, C, E là của ông H, do ông H đã được cấp quyền sử dụng đất tại khu A, B và E nên ông H yêu cầu được kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu C diện tích 67,7m² thuộc thửa 101 tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

Bản án: số 232/2022/DS-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Thị T; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;

Bản án: số 219/2022/DS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh N; 2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 235/2022/DS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 22/QĐ-VKS-DS Ngày 17/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án: số 218/2022/DS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn P, bà Trần Thị K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Bản án: số 217/2022/DS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Bản án: số 210/2022/DS-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai về đòi đất cho mượn, cho sử dụng nhờ, lấn chiếm...

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị U; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/DS - ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Bản án: số 206/2022/DS - PT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Kim P, bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án: số 651/2022/DS-PT ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp đòi nhà đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, hủy hợp đồng mua bán nhà đất giữa Ông Hoàng Văn L, bà Cái Thị T và Ông Đặng Hữu H, bà Nguyễn Thị H

Bản án: số 234/2022/DS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Bác kháng cáo của bà Phạm Thị Th, ông Phạm Như L, chị Nguyễn Thị Phương N2, anh Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị T1 và chị Nguyễn Thị Ngọc N3; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 224/2022/DS-PT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Xuân T1 và chị Hàn Thị Anh Đ1, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 216/2022/DS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 708 ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai

Thông tin về vụ/việc: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 675 ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 211/2022/DS-PT ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: 1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Huy Linh V và bà Võ Thị Thu T; 2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Bản án: số 214/2022/DS - PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Kim Ng; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 660 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm

Bản án: số 207/2022/DS-PT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Bích N; 2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;

Bản án: số 638 ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp đất đai về đòi đất cho mượn, cho sử dụng nhờ, lấn chiếm...

Thông tin về vụ/việc: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Bản án: số 213/2022/DS - PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Phan Văn D là bà Bùi Thị U1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 650 ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồ Hải T và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành P, ông Nguyễn Văn R, ông Đoàn Tuấn A

Bản án: số 319 ngày 18/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên bản án

Bản án: số 661/2022/DS-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ việc: Chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm

Bản án: số 648 ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu những người thừa kế theo pháp luật của bà Võ Thị N và ông Đoàn Văn B1 gồm bà Võ Thị Tuyết V1, ông Võ Văn Ch, bà Võ Thị Y, bà Võ Thị Ngọc M, bà Đoàn Thị Ngọc H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy Ph trả lại phần đất có diện tích 3.259,5m² thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Với lý do phần diện tích đất trên có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị B (cha mẹ của các nguyên đơn) cho bà Võ Thị N (mẹ của các bị đơn ở nhò). Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị N; bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp; sau khi bà N chết thì để lại cho các con quản lý, sử dụng.

4.4. Lĩnh vực Hình sự: 56 bản án.

Bản án: số 727 ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Hoàng Tấn - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: chấp nhận kháng cáo, giảm 1 phần hình phạt

Bản án: số 717 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (19.10.2022)

Huỳnh Văn Tâm cùng đồng phạm - phạm tội cưỡng đoạt tài sản (điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: y án sơ thẩm

Bản án: số 420/2022/HS-PT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần T - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 417/2022/HS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Khánh L - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Khánh L; sửa phần hình phạt đối với bị cáo Trần Khánh L tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Bản án: số 432/2022/HSPT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Thanh C và các bị cáo khác - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: sửa bản án sơ thẩm.

Bản án: số 769/2022/HS-PT ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lý Thị T - phạm tội tham ô tài sản (điều 353 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số 700/2022/HS-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Thị Kim L - phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (điều 290 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm

Bản án: số 749 ngày 28/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Duy Kh - phạm tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (điều 174 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Do cần tiền để đánh bạc, Nguyễn Duy Kh nói dối hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị N để mua thuốc tây giá rẻ và vay giùm người thân để sửa nhà. Tin tưởng thông tin bị cáo đưa ra, bà N đã chuyển cho bị cáo số tiền 965.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn nói dối anh Hà Minh D rằng có người quen cần vay tiền đáo hạn ngân hàng để vay của anh D 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo sử dụng đánh bạc hết, không có khả năng hoàn trả lại cho bà N, anh D và bỏ trốn khỏi địa phương.

Bản án: số 747 ngày 28/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Phước Ch - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Xuất phát từ việc bị cáo Nguyễn Phước Ch nghi ngờ vợ ngoại tình với người khác nên nảy sinh ghen tuông và có ý định đốt nhà để giết chết những người trong nhà, rồi tự sát. Từ đó, bị cáo đã có hành vi dùng tấm thớt bằng gỗ tròn đánh vào đầu của bị hại Huỳnh Thị Châu Nh (là vợ bị cáo), đổ xăng lên người Nh rồi dùng quẹt gas bật lửa đốt, lửa bùng cháy. Hậu quả để lại là bị hại Nh đã chết do bị bỏng quá nặng, còn cháu ngoại của bị cáo là cháu Đ thoát chết do được mọi người giải cứu kịp thời.

Bản án: số 744 ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Đào Văn T - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lợi dụng việc có thời gian làm cán bộ của Ngân hàng S và có mối quan hệ quen biết với các bị hại bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu H1 (chị ruột bà H), anh Tăng Văn V (con ruột bà H1). Bị cáo T đã đề nghị bà H, bà H1, anh V cho vay tiền để có vốn làm ăn và làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Do tin tưởng nên bà H, bà H1, anh V đã nhiều lần cho vay, tổng cộng là 4.500.000.000 đồng. Bị cáo T sử dụng vào việc kinh doanh vàng nhưng thua lỗ và tiêu xài cá nhân hết số tiền, không trả nợ như đã cam kết, thỏa thuận mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền trên.

Bản án: số 761 ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Võ Minh H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Ngày 29/11/2021, bị cáo Võ Minh H thuê ông Trần Xí Ngh điều khiển xe mô tô chở về thành phố V2. Do bị hại Ngh lái xe bị loạng choạng trên đường đi nên bị cáo có nhắc nhở thì hai bên xảy ra cự cãi. Bực tức, bị cáo dùng nón bảo hiểm đánh mạnh vào đầu bị hại Ngh. Khi đến nhà, bị cáo đưa tiền cho bị hại Ngh để uống thuốc, nhưng bị hại Ngh không lấy và nói “để đó mai tính luôn”. Cho rằng bị hại Ngh có ý định trả thù mình nên bị cáo dùng nón bảo hiểm đánh 02 cái vào đầu bị hại Ngh, dùng chân trái đá vào mặt bên phải của bị hại Ngh cho đến khi có người can ngăn thì bị cáo dừng lại. Sau đó, bị hại Ngh đã tử vong do chấn thương sọ não.

Bản án: số 415/2022/HS-PT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Thái Vĩnh T - phạm tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (điều 174 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Thái Vĩnh T, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Huỳnh Minh T3, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022 ngày 19/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án: số 430/2022/HSPT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Đ - phạm tội tham ô tài sản (điều 353 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đ và kháng cáo hủy án sơ thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HSST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 431/2022/HS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Châu Văn C - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Đinh Quang L và đại diện hợp pháp của người bị hại bà Trương Thị T T, một phần kháng cáo của bị cáo Châu Văn C. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án: số 403/2022/HS-PT ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Mai Quốc D - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Quốc D và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 401/2022/HS-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Việt H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Việt H, giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HSST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với bị cáo.

Bản án: số 397/2022/HS-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Đình T - phạm tội vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (điều 206 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự: Ngân hàng A - Chi nhánh H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 398/2022/HS-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Duy N - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Duy N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án: số 400/2022/HS-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Bùi Văn P - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn P; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của ông Bùi Xuân T, anh Trần Văn L và anh Ngô Hữu C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 711/2022/HSPT ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Thanh Thuận và đồng phạm giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh Thuận, Châu Trọng Nghĩa, Lê Khánh Đăng, Phạm Nhí Khang, Trần Tấn Phát, Nguyễn Song Tiền. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh Thuận, Châu Trọng Nghĩa, Lê Khánh Đăng, Phạm Nhí Khang, Trần Tấn Phát, Nguyễn Song Tiền.

Bản án: số 429/2022/HS-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Huỳnh Phúc H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Phúc H; Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Bạch Thanh T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 435/2022/HS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Ngô Duy T - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Duy T; Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y Tiêm K và bà H Nghê E; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt; Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần xử lý vật chứng;

Bản án: số 389/2022/HS-PT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn M - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn M; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 37/2022/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 386/2022/HS-PT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Thị H, Võ Thị Ngọc A - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 399/2022/HS-PT ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Mai Nữ Hoàng A và Lê A T - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bản án: số 428/2022/HS-PT ngày 29/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Văn H, Hoàng Văn H1 - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H và bị cáo Hoàng Văn H1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Bản án: số 436/2022/HS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hoàng Hắc H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Hắc H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 64/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bản án: số 434/2022/HS-PT ngày 30/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hồ Tấn S - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Tấn S, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HSST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum

Bản án: số 683/2022/HSPT ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Ngô Tuấn A và đồng phạm sử dụng mạng máy tính để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản - phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (điều 290 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Ngọc Hưng và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Tuấn Anh. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2022/HS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Ngô Tuấn Anh.

Bản án: số 424/2022/HS-PT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Vũ T cùng đồng phạm - phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy (điều 249 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Vũ T, Trần Văn T1, Nguyễn Thị Trà M. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 04/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 388/2022/HS-PT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Văn H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 390/2022/HSPT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Hồng K và đồng phạm - phạm tội gây rối trật tự công cộng (điều 318 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Lê Hồng K, Lê Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HSST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án: số 391/2022/HS-PT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn C - phạm tội chứa mại dâm (điều 327 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Bản án: số 384/2022/HS-PT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lưu Mạnh T - phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (điều 290 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Mạnh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 385/2022/HS-PT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Phạm Thị H - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 679/2022/HSPT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần T và đồng phạm lừa đảo CDTS - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về hình phạt đối với bị cáo Trần T. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần T 10 (Mười) năm tù.

Bản án: số 678/2022/HSPT ngày 15/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Văn T và đồng phạm buôn lậu - phạm tội buôn lậu (điều 188 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên hình sự sơ thẩm số 122/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với các bị cáo Đặng Thị H, Lê Văn Q.

Bản án: số 396/2022/HS-PT ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Bùi Lê Duy L - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 421/2022/HSPT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Thị N - phạm tội cưỡng đoạt tài sản (điều 170 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N; sửa án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. - Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 07 (bảy) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” - Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự”. Áp dụng Điều 55 BLHS. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 30/9/2020 đến 09/8/2021.

Bản án: số 412/2022/HSPT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Văn V - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn V và kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại; y án sơ thẩm.

Bản án: số 411/2022/HSPT ngày 26/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hồ Văn T và Trương Thanh T1 - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: y án sơ thẩm. Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn T, Trương Thanh T1 phạm tội “ Giết người” - Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm e, h khoản 1 Điều 52; điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Hồ Văn T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 20/10/2021); - Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Trương Thanh T1 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 25/01/2022);

Bản án: số 405/2022/HS-PT ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trương Đình T - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Đình T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án: số 404/2022/HS-PT ngày 22/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Thanh M - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2022/HS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Bản án: số 395/2022/HS-PT ngày 19/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Hoàng Minh S cùng đồng phạm - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 322 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đào Xuân T2, Kiều Văn T1 và Dương Văn P. - Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Minh S. - Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Phùng Phước H, Trần Anh T3, Trần Đình Hoà và Nguyễn Quốc T. - Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2022/HS-ST ngày 21-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Phần hình phạt chính đối với các bị cáo Hoàng Minh S, Phùng Phước H, Nguyễn Quốc T, Trần Đình Hoà và Trần Anh T3.

Bản án: số 419/2022/HSPT ngày 27/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Đào Văn A - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: - Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 187/QĐ-VKS-P2 ngày 08-7-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. - Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 29-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về Phần hình phạt đối với bị cáo Đào Văn A.

Bản án: số 394/2022/HSPT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Nguyễn Mạnh H - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H, sửa Bản án sơ thẩm.

Bản án: số 393/2022/HSPT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Trần Quốc T và Trần Đăng Bảo H - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quốc T, Trần Đăng Bảo H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 392/2022/HSPT ngày 16/09/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng

Lê Đức D cùng đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: 1. Căn cứ vào Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Đức H, Phan Hồng T, Đinh Trung V. 2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị số 116/QĐ-VKS-P2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo Lê Đức D, sửa bản án sơ thẩm.

Bản án: số 704/2022/HSPT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trần Bá Đ cướp tài sản - phạm tội cướp tài sản (điều 168 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang để điều tra lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án: số 723 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bản án: số 722 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Phan Thị Thanh T - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Từ năm 2007 đến năm 2013 vợ chồng Phan Thị Thanh T, Nguyễn Ngh đã nhiều lần mượn tiền của bà Đinh Thị Thanh Th để làm ăn, kinh doanh, T có vay nhiều lần và có trả nợ một phần cho bà Th. Đến cuối năm 2013 thì T không còn khả năng trả nợ. Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho các khoản nợ trước đó, T đã nghĩ ra cách lừa bà Th. Để thực hiện được việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Th, T đã đưa ra thông tin không có thật để bà Th tin tưởng giao tiền cho T, cụ thể: Ngày 28/10/2013, T chuẩn bị bản “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất” theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 662, 482 có diện tích 776m², thửa số 479, 480 diện tích 1.005m², rồi T nói Ngh ký tên, điem chỉ sang nhượng cho bà Th nhằm trừ nợ và vay thêm tiền của bà Th. Trong khi thực tế, T và Ngh đã chuyển nhượng các thửa đất này cho anh C, anh T trước đó. T đưa hợp đồng cho bà Th và không cho bà Th biết Ngh đã chuyển nhượng các thửa đất này cho người khác. Bà Th tin tưởng các thửa đất này do T, Ngh là chủ sở hữu nên đồng ý nhận sang nhượng. Sau đó T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là lo thủ tục giấy tờ làm dự án phân lô để nhiều lần vay mượn tiền của bà Th với tổng số tiền 3.835.000.000 đồng.

Bản án: số 689 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Lê Thị Ánh - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vì mục đích vụ lợi nên ngày 23/02/2021 Lê Thị A cùng với Đặng Văn Sá M và Nguyễn Văn Ch sử dụng xe ba bánh chở 14 người Việt Nam đến khu vực đoạn từ cột mốc 230.1 (2) và mốc 230.2 (2) thuộc ấp BR, xã H, huyện T, tỉnh Long An để dùng xuống đưa 14 người này vượt biên giới trái phép sang Campuchia, đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 24/02/2021, Tổ công tác của Trạm Kiểm soát Biên phòng BR tuần tra phát hiện bắt giữ. Tiếp đến ngày 10/3/2021 và tối ngày 11/3/2021 Lê Thị A cùng với Lê Văn Nh, Đặng Phương A1, Đặng Phương E, Lê Thành T, Thái Văn Ph, Nguyễn Trung H,

Đặng Văn Sá M và Đinh Văn Kh tổ chức cho 13 người Trung Quốc sử dụng áo phao vượt biên trái phép qua sông CC tại khu vực đoạn giữa Mốc 230.6 (2) và Mốc 230.7 (2) thuộc ấp G2, xã H1, huyện T, tỉnh Long An sang Campuchia thì bị Tổ tuần tra Đồn Biên phòng ST phát hiện bắt giữ.

Bản án: số 703/2022/HS-PT ngày 21/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Tạ Xuân C - phạm tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (điều 203 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bản án: số 724 ngày 23/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Trương Mai A - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 54, diện tích 52,10m², tại địa chỉ số 102/20 T, phường T1, quận B, do vợ chồng ông Nguyễn Hồng S và bà Nguyễn Thị Kim L thế chấp để vay tiền; bị cáo Trương Mai A đưa ra thông tin gian dối rằng đã mua căn nhà nêu trên với giá 1.050.000.000 đồng, còn nợ lại vợ chồng bà L, ông S 600.000.000 đồng, muốn mượn ông Phan Trọng H 800.000.000 đồng để hoàn tất việc mua bán và sẽ ủy quyền lại cho ông H để ông H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà vay tiền ngân hàng. Tin tưởng là thật, ông H đồng ý và hẹn ngày đến Văn phòng công chứng để đồng thời thực hiện hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng ủy quyền như đã thỏa thuận. Ngày 15/10/2019, bị cáo đi cùng 01 người đàn ông và 01 người phụ nữ, đóng giả là ông Nguyễn Hồng S và bà Nguyễn Thị Kim L, sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên ông S, bà L đến Phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi công chứng viên cho các bên ký tên, lăn tay hợp đồng chuyển nhượng thì những người này rời đi; ông H đưa cho bị cáo 720.000.000 đồng; bị cáo đưa cho người tên Thủy (không rõ lai lịch) 200.000.000 đồng, còn giữ lại 520.000.000 đồng. Lúc này, công chứng viên nghi ngờ giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Hồng S và bà Nguyễn Thị Kim L là giả mạo nên ngừng giao dịch và trình báo Công an xã BH, huyện Bính Chánh.

Bản án: số 699 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Thanh T - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào khoảng 12 giờ ngày 15/12/2019, Nguyễn Thanh T điều khiển xe gắn máy hiệu Wave đi đường 14 Khu chế xuất T, thì nhìn thấy chị Lê Thị B đang dừng xe gắn máy hiệu SH mode ở lề đường, T nảy sinh ý định cướp xe nên giả vờ đến bắt chuyện làm quen với chị B rồi dùng tay kẹp cổ khống chế chị B, chị B giằng co và cắn vào ngón

tay phải của T, làm cả 2 té ngã xuống cống thoát nước gần đó. Khi té xuống, chị B bị úp mặt xuống nước, T ngồi lên vùng vai cổ đồng thời đè và giữ 02 tay của chị B để không cho chị B chống cự, thấy chị B không còn cử động, nên T leo lên bờ ngồi khoảng 05 phút; sau đó T xuống kiểm tra, bẻ cổ để lật mặt chị B sang trái thấy chị B hoàn toàn bất động, T leo lên nhặt lấy chìa khóa xe và điều khiển xe của chị B đến Đường số 10, Quận 7, gọi điện thoại cho bị cáo Đinh Văn Vũ K nói mới lấy trộm được chiếc xe và kêu K đến Đường số 10 phụ giúp đưa xe đi. K đồng ý và điều khiển xe gắn máy hiệu Wave Anpha gặp T. T điều khiển chiếc xe vừa cướp được của chị B cùng K đem đến tiệm game bắn cá đường H, phường T, Quận 7 để gửi. Sau đó, K chở T lại gần hiện trường gây án để T lấy xe gắn máy của T, còn K đi vào Khu chế xuất tiếp tục làm việc. T điều khiển xe gắn máy của mình đến tiệm game 303 H, để lại đó và lấy xe SH mode của chị B đem đi gửi tại Siêu thị Big C, Quận 7. Sau đó T mua 01 biển số xe thay vào chiếc xe SH mode của chị B. Đến ngày 22/12/2019, T đem chiếc xe của chị B đến tiệm game 873 H, phường Ph, Quận 7 cầm cho anh Trần Quốc Th (quản lý tiệm game) với số tiền 25.000.000 đồng. (trong đó, đổi điểm game bắn cá số tiền 10.000.000 đồng và tiền mặt 15.000.000 đồng), T tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Bản án: số 698 ngày 20/09/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh

Gabog Cortez M - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào lúc 12 giờ 51 phút ngày 18/01/2020, lực lượng hải quan đang thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hành lý, hàng hóa nhập cảnh từ Campuchia vào Việt nam tại Cửa khẩu Quốc tế M, thuộc tỉnh Tây Ninh thì phát hiện vali của bị cáo Gabog Cortez M (Quốc tịch Philippines) bên trong có chứa 05 ba lô; mỗi ba lô có chứa 01 bịch nylon màu đen được quấn băng keo, bên trong bịch có tinh thể màu trắng nên đã lập biên bản bắt, thu giữ. Tại Kết luận giám định số 96/KL-KTHS ngày 23/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ gửi giám định là loại Methamphetamine, có khối lượng 4.956,3587 gam.